

Số: /KH- UBND

Hà Quảng, ngày tháng 3 năm 2022

## KẾ HOẠCH

### Triển khai thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam trên địa bàn huyện Hà Quảng giai đoạn 2022 - 2025

Thực hiện Kế hoạch số 615/KH-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc triển khai thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam trên địa bàn tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2022 – 2025. Ủy ban nhân dân huyện Hà Quảng xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam trên địa bàn huyện Hà Quảng giai đoạn 2022 – 2025 như sau:

#### I. MỤC TIÊU CHUNG

##### 1. Mục tiêu chung

Xây dựng môi trường hỗ trợ, tăng cường năng lực cho người dân thực hiện tốt việc tự quản lý, chăm sóc sức khỏe toàn diện để nâng cao sức khỏe, tầm vóc, tuổi thọ và chất lượng cuộc sống của người dân trên địa bàn huyện.

##### 2. Mục tiêu cụ thể

**2.1. Mục tiêu 1:** Bảo đảm chế độ dinh dưỡng hợp lý, tăng cường vận động thể lực để cải thiện tầm vóc và nâng cao sức khỏe cho người dân.

**2.2. Mục tiêu 2:** Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của mỗi người dân và cộng đồng để chủ động dự phòng các yếu tố nguy cơ phổ biến đối với sức khỏe nhằm phòng tránh bệnh tật, bảo vệ sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

**2.3. Mục tiêu 3:** Thực hiện quản lý, chăm sóc sức khỏe liên tục, lâu dài tại tuyến y tế cơ sở để góp phần giảm gánh nặng bệnh tật, tử vong và nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân.

#### II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG VÀ CÁC LĨNH VỰC ƯU TIÊN

##### 1. Phạm vi

Chương trình Sức khỏe Việt Nam là một chương trình tổng thể nhằm kết nối các lĩnh vực liên quan để tập trung thực hiện được các mục tiêu ưu tiên về sức khỏe được triển khai trên quy mô toàn huyện từ năm 2022 đến năm 2025.

##### 2. Đối tượng thụ hưởng

Toàn dân trên địa bàn huyện, trong đó có nhóm đối tượng được ưu tiên xác định theo từng lĩnh vực cụ thể.

##### 3. Các lĩnh vực ưu tiên

**3.1. Nâng cao sức khỏe:** (1) Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, (2) tăng cường vận động thể lực.

**3.2. Bảo vệ sức khỏe và phòng bệnh:** (3) Chăm sóc sức khỏe trẻ em và

học sinh, (4) phòng chống tác hại của thuốc lá, (5) phòng chống tác hại của rượu, bia, (6) vệ sinh môi trường, (7) an toàn thực phẩm.

**3.3. Chăm sóc sức khỏe ban đầu, kiểm soát bệnh tật:** (8) phát hiện sớm và quản lý một số bệnh không lây nhiễm, (9) chăm sóc, quản lý sức khỏe người dân tại cộng đồng, (10) chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, (11) chăm sóc sức khỏe người lao động.

#### 4. Các chỉ tiêu đến năm 2025

| Lĩnh vực/Chỉ tiêu   | Năm 2025 |
|---|----------|
| <b>I. Các chỉ tiêu thực hiện mục tiêu cụ thể 1:</b>   |          |
| <b>1. Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý</b>   |          |
| 1) Tỷ lệ trẻ < 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi:  |          |
| - Chung   | < 17%    |
| - Khu vực miền núi  | < 28%    |
| 2) Không chế tỷ lệ người trưởng thành bị béo phì  | < 20%    |
| 3) Tỷ lệ người trưởng thành ăn thiếu rau/ trái cây  | < 50%    |
| 4) Số lượng muối tiêu thụ trung bình/người/ngày (gam)   | < 7g     |
| <b>2. Tăng cường vận động thể lực</b>   |          |
| 5) Tỷ lệ người dân thiếu vận động thể lực:  |          |
| - Người 18 - 69 tuổi  | <22%     |
| - Trẻ em 13 - 17 tuổi   | <60%     |
| <b>II. Các chỉ tiêu thực hiện mục tiêu cụ thể 2:</b>  |          |
| <b>3. Chăm sóc sức khỏe trẻ em và học sinh</b>  |          |
| 6) Tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đầy đủ:   |          |
| - 12 loại vắc xin   | >95%     |
| 7) Tăng tỷ lệ trường học bán trú, nội trú có tổ chức bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng cho học sinh:            |          |
| - Trường mầm non  | 70%      |
| - Trường tiểu học   | 75%      |
| 8) Tăng tỷ lệ học sinh được tầm soát phát hiện giảm thị lực, được kê đơn kính và được hướng dẫn rèn luyện thị lực | 40%      |
| <b>4. Phòng chống tác hại của thuốc lá</b>  |          |
| 9) Tỷ lệ hút thuốc ở nam giới trưởng thành  | <37%     |
| 10) Tỷ lệ hút thuốc thụ động của người dân  |          |
| - Tại nhà   | <50%     |
| - Nơi làm việc  | <35%     |

|  |      |
|--|------|
| <b>5. Phòng chống tác hại của rượu, bia</b>  |      |
| 11) Tỷ lệ uống rượu, bia ở mức nguy hại ở nam giới trưởng thành  | <35% |
| <b>6. Vệ sinh môi trường</b>   |      |
| 12) Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch   |      |
| - Nông thôn  | 68%  |
| - Thành thị  | >95% |
| 13) Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh  |      |
| - Nông thôn  | 85%  |
| - Thành thị  | >95% |
| 14) Tỷ lệ người dân rửa tay với xà phòng   | 50%  |
| <b>7. An toàn thực phẩm</b>  |      |
| 12) Giảm số vụ ngộ độc thực phẩm tập thể từ 30 người mắc/vụ trở lên (so với trung bình giai đoạn 2011-2015)                                    | 10%  |
| 15) Tỷ lệ người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, người quản lý và người tiêu dùng có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm | 90%  |
| 16) Tỷ lệ cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm đạt điều kiện an toàn thực phẩm   | 90%  |
| <b>III. Các chỉ tiêu thực hiện mục tiêu cụ thể 3:</b>  |      |
| <b>8. Phát hiện và quản lý một số bệnh không lây nhiễm</b>   |      |
| 17) Tỷ lệ trạm y tế cấp xã thực hiện dự phòng, quản lý, điều trị một số bệnh không lây nhiễm phổ biến  | 50%  |
| 18) Tỷ lệ phát hiện tăng huyết áp  | 50%  |
| 19) Tỷ lệ quản lý điều trị tăng huyết áp   | 25%  |
| 20) Tỷ lệ phát hiện đái tháo đường   | 50%  |
| 21) Tỷ lệ quản lý điều trị đái tháo đường  | >30% |
| 22) Tỷ lệ người thuộc đối tượng nguy cơ được khám phát hiện sớm ung thư (Ung thư vú, ung thư cổ tử cung và ung thư đại trực tràng)             | 40%  |
| <b>9. Quản lý sức khỏe người dân tại cộng đồng</b>   |      |
| 23) Tỷ lệ người dân được quản lý, theo dõi sức khỏe tại cộng đồng  | 90%  |
| <b>10. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi</b>  |      |
| 24) Tỷ lệ trạm y tế cấp xã triển khai chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và gia đình   | 100% |
| <b>11. Chăm sóc sức khỏe người lao động</b>  |      |
| 25) Tỷ lệ người lao động làm việc tại các cơ sở có nguy cơ bị các  | 50%  |

|   |     |
|---|-----|
| bệnh nghề nghiệp phổ biến được phát hiện bệnh nghề nghiệp   |     |
| 26) Tỷ lệ xã thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe lao động cơ bản cho người lao động trong khu vực không có hợp đồng lao động (nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và làng nghề,...) | 40% |

### III. CÁC GIẢI PHÁP VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

#### 1. Giải pháp về quản lý chỉ đạo, thực thi chính sách và phối hợp liên ngành

1.1. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp để tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình Sức khỏe Việt Nam trên địa bàn huyện. Các phòng, ban, ngành, chủ động xây dựng kế hoạch, chỉ đạo thực hiện, đưa vào chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và ưu tiên phân bổ kinh phí hằng năm để đạt được các mục tiêu sức khỏe ở từng địa phương trên cơ sở các mục tiêu sức khỏe của toàn huyện.

1.2. Tăng cường trách nhiệm của các phòng, ban, ngành để phối hợp triển khai thực hiện các chính sách, hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam trên địa bàn huyện thuộc phạm vi do ngành, lĩnh vực phụ trách.

1.3. Phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ phục hồi chức năng và hỗ trợ xã hội cho người cao tuổi và các đối tượng bảo trợ xã hội khác theo quy định, bảo đảm sự phối hợp và kết nối hiệu quả giữa ngành Lao động - Thương binh và Xã hội và ngành Y tế.

1.4. Thực hiện các chính sách, quy định của pháp luật về kiểm soát yếu tố nguy cơ, thúc đẩy các yếu tố tăng cường sức khỏe và phòng, chống bệnh tật:

- Thực hiện nghiêm Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá; Luật Bảo vệ môi trường; Luật An toàn thực phẩm; Luật An toàn, vệ sinh lao động; Luật Người cao tuổi; Luật trẻ em; Chính sách quốc gia phòng, chống tác hại của lạm dụng đồ uống có cồn và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan khác;

- Thực hiện các cơ chế, quy định pháp luật về quản lý, kiểm soát việc quảng cáo, kinh doanh và tăng thuế phù hợp để hạn chế sử dụng thuốc lá, đồ uống có cồn, thực phẩm chế biến sẵn, nước ngọt có ga, phụ gia thực phẩm và một số sản phẩm khác có nguy cơ với sức khỏe, đặc biệt là các sản phẩm dành cho trẻ em;

- Rà soát, đề xuất, bổ sung các cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích sản xuất, cung cấp và tiêu thụ các thực phẩm an toàn, dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe; tạo điều kiện cho người dân tiếp cận, sử dụng không gian công cộng, cơ sở luyện tập thể dục, thể thao.

#### 2. Giải pháp về chuyên môn nghiệp vụ

##### 2.1. Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý

- Thực hiện phổ biến các khuyến nghị, hướng dẫn về chế độ dinh dưỡng hợp lý cho người dân từ các thực phẩm sẵn có và phù hợp với cách ăn của người Việt Nam; tổ chức thực hiện Những lời khuyên dinh dưỡng hợp lý đến năm 2030.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 1381/KH-UBND ngày 03/6/2020 của UBND tỉnh Cao Bằng về triển khai thực hiện Chương trình Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, thực hiện báo cáo đầy đủ theo quy định.

- Thực hiện nghiêm các quy định, nghị định, Thông tư hướng dẫn ghi thông tin dinh dưỡng trên nhãn hàng hóa của sản phẩm thực phẩm, ghi nhãn dinh dưỡng đối với thực phẩm bao gói sẵn.

- Thực hiện các quy định, hướng dẫn chế độ dinh dưỡng hợp lý cho người lao động, cho cộng đồng, người cao tuổi, phụ nữ và trẻ em, thực hiện nghiêm các cơ chế, quy định pháp luật về quản lý, kiểm soát việc quảng cáo, kinh doanh và tăng thuế phù hợp để hạn chế sử dụng đồ uống có đường, thực phẩm chế biến sẵn, phụ gia thực phẩm và một số sản phẩm khác có nguy cơ với sức khỏe, đặc biệt là các sản phẩm dành cho trẻ em.

- Tăng cường triển khai hoạt động dinh dưỡng khẩn cấp:

+ Xây dựng hợp phần bảo đảm dinh dưỡng vào trong Kế hoạch ứng phó với thiên tai thảm họa, dịch bệnh của huyện và các xã, thị trấn.

+ Nâng cao năng lực ứng phó dinh dưỡng trong tình huống khẩn cấp cho cán bộ các cấp và các ban, ngành liên quan.

+ Thực hiện có hiệu quả các hoạt động dinh dưỡng khẩn cấp ở cả cộng đồng và trong bệnh viện tại các địa phương bị ảnh hưởng biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh.

## 2.2. Tăng cường vận động thể lực cho người dân

- Hỗ trợ người dân tăng cường vận động thể lực theo khuyến cáo:

+ Phát động phong trào 10.000 bước chân mỗi ngày để vận động, khuyến khích, hỗ trợ cho người dân tham gia và duy trì thói quen vận động thể lực bằng hình thức đi bộ;

+ Huy động, cung cấp, tạo điều kiện cho người dân ở cộng đồng có đường đi bộ an toàn và thuận tiện, được tiếp cận, sử dụng không gian công cộng, cơ sở luyện tập thể dục, thể thao;

+ Tổ chức các chương trình, mô hình vận động thể lực tại cộng đồng dân cư gắn với các hoạt động, sinh hoạt cộng đồng theo nhóm đối tượng, nhóm tuổi; kèm theo các hướng dẫn, hỗ trợ để làm cho người dân hình thành và duy trì thói quen vận động thể lực hằng ngày;

+ Tổ chức các hình thức vận động thể lực, thể dục giữa giờ phù hợp cho người lao động tại nơi làm việc, đặc biệt cho những người làm việc văn phòng;

+ Thực hiện tư vấn, hướng dẫn về vận động thể lực cho người dân và bệnh nhân, lồng ghép kê đơn vận động thể lực trong quản lý bệnh không lây nhiễm tại các cơ sở y tế và tại cộng đồng;

- Tăng cường vận động thể chất cho trẻ em, học sinh, sinh viên:

+ Tổ chức tốt các chương trình giáo dục thể chất trong trường học; bảo đảm không gian, cơ sở vật chất và trang thiết bị cho các hoạt động luyện tập, rèn luyện thể dục, thể thao của học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục theo quy định;

+ Duy trì các hoạt động thể dục đầu giờ, giữa giờ và bảo đảm số giờ thể dục trong chương trình chính khóa. Tổ chức đa dạng các loại hình vận động thể lực ngoại khóa, tăng cường vận động thể lực thông qua các sinh hoạt, vui chơi giải trí có tính chất vận động ở trường và hạn chế thời gian ngồi lâu tại chỗ. Bảo đảm mỗi học sinh tối thiểu được vận động thể lực 60 phút trong một ngày.

### 2.3. Chăm sóc sức khỏe trẻ em và học sinh

- Tiêm chủng cho trẻ em: Bảo đảm việc cung ứng vắc xin trong Chương trình tiêm chủng mở rộng; nâng cao chất lượng mạng lưới cung cấp dịch vụ tiêm chủng, tiêm chủng đầy đủ, đúng lịch, an toàn cho mọi trẻ em trong diện tiêm chủng. Áp dụng công nghệ thông tin để triển khai và duy trì hiệu quả hệ thống quản lý tiêm chủng quốc gia.

- Bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho học sinh:

+ Giáo dục thay đổi hành vi cho học sinh về dinh dưỡng hợp lý bao gồm: ăn tối thiểu 3 bữa ăn/ngày; ăn đủ rau và trái cây; hạn chế ăn đồ ăn nhanh, thực phẩm chế biến sẵn, nước ngọt có ga; giảm muối trong khẩu phần ăn;

+ Có chương trình phối hợp giữa nhà trường và gia đình để giáo dục, hướng dẫn bảo đảm chế độ dinh dưỡng và hoạt động thể lực phù hợp cho nhóm học sinh tuổi tiền dậy thì và dậy thì để phát triển tốt về thể lực và tâm vóc;

+ Xây dựng thực đơn dinh dưỡng hợp lý và tổ chức các bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho trẻ em, học sinh tại các cơ sở giáo dục có ăn bán trú, nội trú hoặc có cung cấp dịch vụ ăn uống;

+ Quản lý hoạt động của căn - tin, dịch vụ trong trường học nhằm hạn chế tiếp cận của học sinh với các sản phẩm thực phẩm không có lợi cho sức khỏe; thực thi quy định không bán sản phẩm, thực phẩm không có lợi cho sức khỏe ở khu vực cổng trường;

+ Tư vấn sức khỏe và dinh dưỡng cho học sinh và phụ huynh học sinh; định kỳ theo dõi tình trạng dinh dưỡng, phát triển và kiểm tra sức khỏe của học sinh để phát hiện sớm các nguy cơ sức khỏe và bệnh tật; duy trì tẩy giun định kỳ tại những vùng có tỷ lệ nhiễm giun cao.

- Chăm sóc mắt cho trẻ em:

+ Cung cấp các dụng cụ, công cụ đơn giản cho các trạm y tế xã và các trường học kết hợp với hướng dẫn, hỗ trợ trẻ em, học sinh thường xuyên tự đánh giá phát hiện ban đầu tình trạng giảm thị lực;

+ Tổ chức khám, kê đơn kính, theo dõi và hướng dẫn chăm sóc mắt cho những trẻ em, học sinh giảm thị lực;

+ Tổ chức các hoạt động ngoài trời phù hợp cho học sinh để tăng thời gian trẻ em được vận động thể lực ngoài trời, tăng thời gian mắt được rèn luyện thị lực bằng ánh sáng tự nhiên.

#### 2.4. Phòng chống tác hại của thuốc lá

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá tại phòng, ban, ngành, các địa phương và cộng đồng. Tổ chức triển khai hiệu quả các biện pháp phòng, chống thuốc lá nhập lậu, thuốc lá giả. Thực hiện triệt để và xử phạt nghiêm hành vi vi phạm quy định không hút thuốc nơi công cộng, trường học, bệnh viện, gia đình, cơ quan.

- Thực hiện lộ trình tăng thuế thuốc lá theo Luật về thuế tiêu thụ đặc biệt để giảm đối tượng, mức độ sử dụng.

- Cung cấp dịch vụ tư vấn và điều trị cai nghiện thuốc lá tại các cơ sở y tế và cộng đồng trên địa bàn huyện.

#### 2.5. Phòng chống tác hại rượu, bia và đồ uống có cồn khác

- Thực hiện nghiêm Chính sách Quốc gia về phòng chống tác hại của lạm dụng rượu, bia theo quy định tại Quyết định số 244/QĐ-TTg ngày 12/2/2014 của Thủ tướng Chính phủ; triển khai triệt để các quy định không uống rượu, bia trong giờ làm việc, không lạm dụng rượu, bia trong các sinh hoạt cộng đồng (ma chay, cưới hỏi...).

- Tăng cường các biện pháp quản lý sản xuất, kinh doanh rượu, bia; phòng ngừa và xử lý rượu, bia nhập lậu, rượu, bia giả, không bảo đảm an toàn.

- Thực hiện nghiêm các quy định về Phòng chống tác hại của sử dụng rượu, bia.

#### 2.6. Vệ sinh môi trường

- Xây dựng và thực hiện đề án giảm tác động của biến đổi khí hậu, ô nhiễm hóa chất độc hại, ô nhiễm không khí, nước và đất tới sức khỏe con người. Triển khai công tác truyền thông về nguy cơ, nâng cao năng lực giám sát và đánh giá tác động, xây dựng hệ thống quản lý thông tin và báo cáo thống kê về tình hình bệnh tật, tử vong do tác động của hóa chất độc hại và ô nhiễm môi trường. Thực hiện đồng bộ các biện pháp ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai để giảm thiểu tác động đến sức khỏe người dân.

- Có các giải pháp chuyên môn kỹ thuật phù hợp với vùng miền, tập quán sinh hoạt của người dân để tăng tỷ lệ hộ gia đình sử dụng nước sạch và nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Tăng cường triển khai Kế hoạch an toàn nước, giám sát chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt; vận động người dân sử dụng nước sạch cho ăn uống và sinh hoạt, giữ gìn vệ sinh nguồn nước và dụng cụ chứa nước tại các cộng đồng dân cư; thực hiện tốt việc xử lý nước và vệ sinh môi trường trong mùa lũ lụt.

- Truyền thông vận động cộng đồng xây dựng, sử dụng và bảo quản nhà tiêu hợp vệ sinh; thực hành ủ phân hợp vệ sinh, không sử dụng phân tươi để bón ruộng.

- Quản lý tốt rác thải sinh hoạt; vận động người dân thu gom, loại bỏ dụng cụ phế thải, hạn chế tối đa nơi sinh sản của muỗi truyền bệnh sốt xuất huyết.

- Vận động người dân làm chuồng trại xa nhà, không thả rông gia súc;

thường xuyên tổ chức những đợt tổng vệ sinh đường làng, ngõ xóm, cơ quan, trường học, nơi công cộng và nhà dân để tạo thói quen và nề nếp vệ sinh trong nhân dân.

- Rửa tay với xà phòng:

+ Phối hợp liên ngành để triển khai hiệu quả Chương trình Cộng đồng chung tay phòng chống dịch bệnh; tuyên truyền về lợi ích của rửa tay với xà phòng, quy trình rửa tay đúng cách và các thời điểm cần rửa tay với xà phòng;

+ Tổ chức chiến dịch hưởng ứng Ngày thế giới rửa tay với xà phòng hằng năm. Xây dựng và nhân rộng các mô hình truyền thông rửa tay với xà phòng trong trường học, nơi công cộng và tại hộ gia đình;

+ Trang bị các thiết bị, điều kiện hỗ trợ cho việc rửa tay với xà phòng tại trường học, bệnh viện, nơi làm việc và các nơi công cộng khác.

### 2.7. An toàn thực phẩm

- Phát huy hiệu quả vai trò phối hợp liên ngành về an toàn thực phẩm; tăng cường thanh, kiểm tra, xử lý các vi phạm về an toàn thực phẩm; quản lý hoạt động quảng cáo các sản phẩm thực phẩm, đặc biệt là các sản phẩm thực phẩm tiếp cận với trẻ em.

- Tăng cường năng lực của hệ thống quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Nâng cao năng lực phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm. Tăng cường kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện các quy định về điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm của các cơ sở bếp ăn tập thể, cơ sở cung cấp suất ăn sẵn, nhà hàng, khách sạn, khu du lịch, lễ hội, thức ăn đường phố, chợ, trường học.

2.8. Phòng chống một số bệnh không lây nhiễm nhằm tăng tỷ lệ phát hiện và quản lý điều trị đối với các bệnh tăng huyết áp, đái tháo đường, một số loại ung thư:

- Cung cấp thông tin dưới nhiều hình thức, hỗ trợ, hướng dẫn người dân biết tự theo dõi tình trạng sức khỏe, chủ động, định kỳ đi đo huyết áp để phát hiện sớm tăng huyết áp, kiểm tra đường huyết để phát hiện sớm đái tháo đường và khám phát hiện sớm một số bệnh ung thư; tư vấn cho người dân thay đổi hành vi; hướng dẫn người mắc bệnh mạn tính tuân thủ việc dùng thuốc và tự chăm sóc tại nhà theo chỉ định của thầy thuốc.

- Phát hiện sớm và quản lý bệnh không lây nhiễm tại cộng đồng:

+ Tăng cường phát hiện sớm người mắc tăng huyết áp, đái tháo đường, nguy cơ tim mạch thông qua theo dõi chỉ số khối cơ thể (BMI), đo huyết áp, xét nghiệm đường máu tối thiểu 1 lần/năm, phát hiện sớm một số ung thư phổ biến như: ung thư vú, ung thư cổ tử cung, ung thư khoang miệng, ung thư da, ung thư tuyến giáp... qua khám sàng lọc tại tuyến y tế cơ sở và cộng đồng.

+ Cung cấp các dịch vụ chẩn đoán, điều trị, quản lý tăng huyết áp, đái tháo đường nguy cơ tim mạch và chăm sóc hỗ trợ người mắc bệnh ung thư, một số bệnh không lây nhiễm khác theo quy định tại các Trạm Y tế xã, thị trấn.



## 2.9. Chăm sóc sức khỏe người dân tại cộng đồng

- Triển khai đầy đủ và hiệu quả các nội dung chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân tại tuyến y tế cơ sở.

- Định kỳ kiểm tra sức khỏe cho người dân, bảo đảm mọi người dân được định kỳ kiểm tra, theo dõi các chỉ số sức khỏe cơ bản như: BMI, huyết áp, đường máu, sàng lọc một số ung thư và theo dõi các chỉ số khác phù hợp theo nhóm tuổi và nhóm đối tượng.

- Lập Hồ sơ quản lý sức khỏe cho cá nhân để cập nhật, theo dõi, quản lý sức khỏe liên tục và lâu dài cho từng đối tượng theo các nhóm tuổi: trẻ em, học sinh, người lao động và người cao tuổi.

- Theo dõi tình trạng sức khỏe, quản lý, khám, tư vấn, chuyển tuyến, can thiệp chăm sóc sức khỏe kịp thời cho người dân đặc biệt đối với quản lý bệnh không lây nhiễm và bệnh mạn tính khác.

- Ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý, chăm sóc sức khỏe:

+ Tích hợp các nội dung vào hệ thống quản lý thông tin về y tế, quản lý y tế tuyến cơ sở để: (1) phát hiện bệnh sớm, (2) quản lý tiêm chủng, (3) giám sát bệnh truyền nhiễm, (4) quản lý các bệnh không lây nhiễm, (5) thống kê báo cáo;

+ Xây dựng và triển khai hệ thống thông tin quản lý sức khỏe toàn dân, có trang thông tin điện tử để giao tiếp, kết nối với người dân, người bệnh, chia sẻ thông tin, cảnh báo sức khỏe, hỗ trợ người dân thực hành dinh dưỡng hợp lý và tăng cường vận động thể lực, hướng dẫn đi khám, kiểm tra sức khỏe, tiêm chủng, dùng thuốc và tự chăm sóc.

## 2.10. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

- Thực hiện chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại tuyến y tế cơ sở;

+ Cung cấp các hướng dẫn chuyên môn, tăng cường đào tạo tập huấn về chăm sóc người cao tuổi kết hợp quản lý bệnh mạn tính tại cộng đồng cho cán bộ y tế tuyến cơ sở và cho người chăm sóc;

+ Triển khai chăm sóc dài hạn lồng ghép quản lý bệnh không lây nhiễm cho người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng;

+ Phát triển mạng lưới bác sỹ gia đình để cung cấp các dịch vụ quản lý bệnh mạn tính và chăm sóc dài hạn cho người cao tuổi;

+ Thực hiện quản lý sức khỏe và kiểm tra sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi, bảo đảm mỗi người cao tuổi được định kỳ kiểm tra huyết áp, xét nghiệm đường máu và các chỉ số cơ bản khác.

## 2.11. Chăm sóc sức khỏe người lao động

- Triển khai các chương trình nâng cao sức khỏe tại nơi làm việc. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về vệ sinh môi trường lao động, các biện pháp an toàn vệ sinh lao động, phòng chống các yếu tố nguy cơ và yếu tố có hại.

- Phối hợp, lồng ghép khám phát hiện bệnh không lây nhiễm trong khám sức khỏe định kỳ, khám phát hiện bệnh nghề nghiệp và quản lý sức khỏe người

lao động tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức. Triển khai quản lý sức khỏe người lao động, bảo đảm người lao động được chăm sóc liên tục, lâu dài bởi bộ phận y tế của các cơ sở lao động hoặc Trạm Y tế xã, thị trấn.

2.12. Thực hiện các khuyến nghị, hướng dẫn cho cộng đồng về nâng cao sức khỏe, dự phòng bệnh tật phù hợp với từng nhóm đối tượng, đặc biệt tài liệu cho trẻ em, học sinh, người lao động và người cao tuổi.

### **3. Giải pháp về truyền thông vận động xã hội**

3.1. Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng và phát huy hiệu quả mạng lưới thông tin truyền thông từ huyện tới cơ sở để tuyên truyền, phổ biến vận động các cấp, các ngành, đoàn thể và người dân thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật, các hướng dẫn, khuyến cáo về nâng cao sức khỏe, phòng, chống bệnh tật.

3.2. Nghiên cứu, xây dựng và cung cấp các chương trình, tài liệu truyền thông về sức khỏe phù hợp với phương thức truyền thông và các nhóm đối tượng:

- Các chương trình truyền thông, giáo dục sức khỏe tại cộng đồng, hướng dẫn thực hành chế độ dinh dưỡng hợp lý ở các gia đình, cơ sở giáo dục và các cơ sở sản xuất, kinh doanh; truyền thông giảm muối trong khẩu phần ăn của người dân khuyến khích ăn đủ rau và trái cây, giảm tiêu thụ nước ngọt có đường...

- Truyền thông vận động phong trào toàn dân vận động thể lực, rèn luyện thể dục thể thao, tổ chức ngày toàn dân đi bộ. Xây dựng, phổ biến và nhân rộng mô hình rèn luyện thể dục thể thao, đi bộ ở nơi làm việc và ở cộng đồng dân cư.

- Truyền thông để phổ biến và thúc đẩy việc tuân thủ Luật Phòng chống tác hại của thuốc lá, đặc biệt là quy định về môi trường không khói thuốc.

- Chiến dịch truyền thông về phòng chống tác hại của rượu, bia trên thông tin đại chúng và trong các cơ sở giáo dục.

- Truyền thông, vận động người dân đưa trẻ em đi tiêm chủng đầy đủ và đúng lịch.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ chăm sóc sức khỏe người lao động, nhận biết nguy cơ và phòng chống hiệu quả bệnh nghề nghiệp đối với ngành y tế và các ngành nghề lao động đặc thù. Phối hợp với các phòng, ban, ngành thực hiện tháng hành động quốc gia về an toàn lao động, vệ sinh lao động phòng chống cháy nổ hằng năm.

- Triển khai mạnh mẽ và đồng bộ các hoạt động thông tin, giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi về an toàn thực phẩm; xây dựng và phát triển các kỹ năng truyền thông; nâng cao số lượng, chất lượng các tài liệu và thông điệp truyền thông về an toàn thực phẩm. Thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động nhân dân sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn.

- Chú trọng truyền thông về Chương trình Sức khỏe Việt Nam thông qua các phương thức truyền thông phổ biến như truyền thông trên phương tiện thông tin đại chúng, internet, thông qua mạng lưới thông tin truyền thông ở cơ sở, gắn với các chương trình giáo dục, chương trình văn hóa, văn nghệ, thể thao, các

cuộc vận động, các phong trào quần chúng và các hoạt động khác ở cộng đồng.

3.3. Lồng ghép chủ đề truyền thông của Chương trình Sức khỏe Việt Nam vào các chiến dịch truyền thông, các ngày, sự kiện sức khỏe trong năm như: Ngày Ung thư thế giới, Ngày Sức khỏe thế giới, Ngày Hen toàn cầu, Ngày Phòng chống tăng huyết áp thế giới, Ngày/Tuần lễ Không thuốc lá, Ngày Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính toàn cầu, Ngày Tim mạch thế giới, Ngày Sức khỏe tâm thần thế giới, Ngày Đột quy thế giới, Ngày Phòng chống đái tháo đường thế giới, Tuần lễ Dinh dưỡng và phát triển, Ngày Nhà vệ sinh thế giới, Ngày Môi trường thế giới, Ngày Nước thế giới, Ngày Thế giới rửa tay với xà phòng, Ngày Thể thao Việt Nam, Tuần lễ Tiêm chủng thế giới, Tháng hành động vì an toàn thực phẩm và các sự kiện liên quan khác.

#### **4. Giải pháp về nguồn kinh phí**

4.1. Nguồn kinh phí triển khai các nhiệm vụ trong Kế hoạch thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam được lồng ghép trong kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, đề án liên quan của các lĩnh vực y tế, môi trường, an toàn thực phẩm...

Đối với những nhiệm vụ có tính chất đặc thù, ưu tiên hoặc chưa có trong các chương trình, dự án, đề án liên quan: kinh phí được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách hiện hành. Căn cứ kế hoạch, nhiệm vụ được giao, các đơn vị xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, tổng hợp trong kế hoạch dự toán ngân sách hằng năm của phòng, ban, ngành và địa phương trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4.2. Huy động sự tham gia, đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân để hỗ trợ nguồn lực cho xây dựng các mô hình nâng cao sức khỏe cộng đồng, tạo điều kiện cho người dân thực hiện các hành vi có lợi cho sức khỏe.

4.3. Thực hiện các hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam cần bảo đảm nguyên tắc lồng ghép trong kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, lồng ghép trên cơ sở tăng cường, điều chỉnh, mở rộng các chương trình, dự án, đề án của các phòng, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và các tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc, các địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan gồm:

- Chương trình Cộng đồng chung tay phòng chống dịch bệnh.
- Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng chống bệnh không lây nhiễm giai đoạn 2020 - 2025.
- Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng chống tác hại của thuốc lá đến năm 2021 - 2022.
- Phong trào Làng Văn hóa sức khỏe.
- Phong trào Vệ sinh yêu nước.
- Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh.
- Các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch có liên quan khác.

Kinh phí hiện có cho các chương trình, dự án, đề án cần phải được ưu tiên phân bổ nhằm đạt được các chỉ tiêu, mục tiêu của Kế hoạch thực hiện

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Phòng Y tế, Trung tâm y tế, Bệnh viện Đa khoa huyện**

- Trung tâm y tế là cơ quan thường trực điều phối chung các hoạt động của Kế hoạch này; Phối hợp với phòng Y tế và Bệnh viện đa khoa huyện hàng năm tổ chức triển khai phát động hưởng ứng Chương trình Sức khỏe Việt Nam theo chủ đề sức khỏe ưu tiên do Bộ Y tế lựa chọn, hướng dẫn.

- Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai các hoạt động của Kế hoạch thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam trên địa bàn huyện thuộc ngành Y tế; hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật cho các phòng, ban, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện các hoạt động của Chương trình.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình; định kỳ tổng hợp báo cáo UBND huyện kết quả thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam trên địa bàn huyện.

##### **2. Phòng Giáo dục và Đào tạo**

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan thực hiện các chính sách, quy định pháp luật về bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, tăng cường vận động thể lực, an toàn thực phẩm, vệ sinh phòng bệnh, phòng chống các yếu tố nguy cơ với sức khỏe và chăm sóc sức khỏe cho học sinh trong các cơ sở giáo dục.

- Triển khai hoạt động truyền thông thay đổi hành vi và dạy học lồng ghép, tích hợp kiến thức cho trẻ em, học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục về dinh dưỡng hợp lý, tăng cường vận động thể lực, an toàn thực phẩm, vệ sinh phòng bệnh và phòng, chống các yếu tố nguy cơ sức khỏe.

- Tổ chức triển khai các chương trình, hoạt động về chăm sóc mắt, bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm, sữa học đường, tăng cường vận động thể lực và chăm sóc sức khỏe học sinh.

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan triển khai có hiệu quả chương trình y tế trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông gắn với y tế cơ sở giáo dục giai đoạn 2021 - 2025. Củng cố, kiện toàn và nâng cao hiệu quả công tác y tế trường học bảo đảm chăm sóc sức khỏe ban đầu đối với trẻ em, học sinh, sinh viên trong các trường học.

##### **3. Phòng Văn hóa và Thông tin**

- Chủ trì, tham mưu triển khai các chính sách, quy định của pháp luật về phát triển thể dục, thể thao quần chúng.

- Triển khai các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, vận động nhân dân tham gia phong trào toàn dân vận động thể lực, rèn luyện thể dục thể thao và các hoạt động khác của Chương trình Sức khỏe Việt Nam trên địa bàn huyện.

- Triển khai chương trình 10.000 bước chân mỗi ngày và triển khai các chương trình, phong trào rèn luyện thể dục thể thao khác trong cộng đồng.

- Phối hợp, triển khai thực hiện xây dựng mô hình xã, phường, thị trấn lành mạnh, khu du lịch không khói thuốc. Lồng ghép các chỉ tiêu và nội dung liên quan của Chương trình Sức khỏe Việt Nam trong triển khai thực hiện Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam 2011 - 2030.

#### **4. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

- Triển khai thực hiện các chính sách nhằm khuyến khích, hướng dẫn sản xuất các sản phẩm nông sản đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; triển khai có hiệu quả việc nhân rộng, phát triển sản phẩm nông lâm thủy sản an toàn trên toàn huyện theo chuỗi giá trị; hướng dẫn các địa phương phát triển sản xuất nhằm đảm bảo an ninh lương thực.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trong đó có nội dung về các can thiệp dinh dưỡng giảm thấp còi, bảo đảm cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan tăng cường quản lý, thanh tra, giám sát các sản phẩm nông sản đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; kiểm soát dư lượng phân bón, các chất tăng trưởng, chất kháng sinh, chất phụ gia, thuốc bảo vệ thực vật trong các sản phẩm nông nghiệp.

#### **5. Trung tâm Văn hóa và Truyền thông**

Phối hợp với ngành Y tế và các ngành liên quan hướng dẫn các cơ quan tổ chức triển khai các hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông của Kế hoạch thực hiện Chương trình Sức khỏe Việt Nam trên địa bàn huyện.

#### **6. Phòng Tài chính – Kế hoạch**

Hàng năm, trên cơ sở đề nghị của các phòng, ban, ngành, địa phương, thẩm định dự toán, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch đối với các nhiệm vụ có tính chất đặc thù, ưu tiên của Chương trình Sức khỏe Việt Nam hoặc các hoạt động chưa có trong các chương trình, dự án, đề án liên quan.

#### **7. Phòng Kinh tế và Hạ tầng**

- Tăng cường quản lý về kinh doanh thuốc lá, đồ uống có cồn và các sản phẩm không có lợi cho sức khỏe khác nhằm giảm thiểu yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe từ các sản phẩm này.

- Triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật quy định về dán nhãn minh bạch sản phẩm, in thông tin cảnh báo sức khỏe trên các sản phẩm thuốc lá, đồ uống có cồn và các sản phẩm khác có yếu tố nguy cơ với sức khỏe.

#### **8. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan tăng cường quản lý, thanh tra, giám sát bảo đảm môi trường làm việc nâng cao sức khỏe cho người lao động, giảm thiểu các yếu tố nguy cơ gây bệnh; phối hợp với Liên đoàn lao động huyện tổ chức bữa ăn bảo đảm dinh dưỡng hợp lý và an toàn thực phẩm cho người lao động.

- Phối hợp với ngành Y tế tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc nhằm phát hiện sớm, điều trị, phục hồi chức năng và quản lý sức khỏe cho người lao động mắc bệnh không lây nhiễm, bệnh nghề nghiệp và các bệnh tật khác.

### **9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và các tổ chức chính trị - xã hội**

- Triển khai và phối hợp với các đơn vị, các tổ chức chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động toàn dân tích cực tham gia các hoạt động của Chương trình Sức khỏe Việt Nam trên địa bàn huyện.

- Triển khai các hoạt động lồng ghép các chỉ tiêu xây dựng Chương trình trong cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh...

### **10. UBND các xã, thị trấn**

- Căn cứ theo các chỉ tiêu, mục tiêu của huyện chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của địa phương, đưa các chỉ tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam vào trong chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Triển khai thực hiện lồng ghép các nội dung hoạt động của Chương trình trên địa bàn, bố trí đủ ngân sách, nhân lực, cơ sở vật chất để triển khai thực hiện được các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình Sức khỏe Việt Nam tại địa phương.

Căn cứ nội dung của Kế hoạch, yêu cầu các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện, UBND các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện; hằng năm tổ chức kiểm tra, giám sát, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện gửi UBND huyện (qua Trung tâm y tế để tổng hợp) trước ngày 22/12. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị báo cáo UBND huyện (qua Trung tâm Y tế) để xem xét, quyết định./.

#### ***Nơi nhận:***

- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- UB MTTQ huyện;
- Các phòng, ban ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, YT (Hạnh, Hiên, Bắc).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Phương**

